

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 3568/UBND-KTTH

Ninh Thuận, ngày 19 tháng 8 năm 2019

V/v khẩn trương bổ
sung hồ sơ phương án
giá sản phẩm, dịch vụ
thủy lợi.

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi.

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận Công văn số 1069/TCTL-QLCL ngày 06/8/2019 của Tổng cục Thủy lợi về việc hoàn thiện hồ sơ phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (Đính kèm),

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm cơ quan đầu mối phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và các đơn vị liên quan khẩn trương rà soát, bổ sung đầy đủ hồ sơ phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo đề nghị của Tổng cục Thủy lợi tại Công văn trên; gửi hồ sơ trực tiếp cho Tổng cục Thủy lợi đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận: 2

- Như trên;
- Tổng cục Thủy lợi;
- CT, PCT UBND tỉnh Trần Quốc Nam;
- Sở Tài chính;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. QMT



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Nam



BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1069 /TCTL-QLCT

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2019

V/v Hoàn thiện hồ sơ phương án giá

UBND TỈNH NINH THUYỀN
VĂN PHÒNG

sản phẩm dịch vụ thủy lợi

ĐẾN
Số đến: 2222
Ngày đến: 11/8
Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận
Chuyển: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận
Lưu hồ sơ số:

Tổng cục Thủy lợi nhận được Công văn số 143/QLG-NLTS ngày 01/8/2019 của Cục Quản lý giá về việc hoàn thiện hồ sơ phương án trợ giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi (Kèm theo Công văn này), Tổng cục Thủy lợi đề nghị đơn vị một số nội dung như sau:

- Hoàn thiện, bổ sung hồ sơ phương án giá theo ý kiến của Cục Quản lý giá nêu tại Công văn số 143/QLG-NLTS, gửi về Tổng cục Thủy lợi để tổng hợp.

- Nếu có khó khăn, vướng mắc khi thực hiện, đơn vị liên hệ trực tiếp với Phòng Nông lâm thủy sản - Cục Quản lý giá (điện thoại: 024.2220.2828 số máy lẻ 4202/4204) để được hướng dẫn, giải quyết.

Đề nghị đơn vị khẩn trương thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Quản lý giá (để p/h);
- UBND tỉnh (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, QLCT. (15b)



Nguyễn Văn Tĩnh



Số: ~~143/QLG~~ - NLTS
V/v Hoàn thiện hồ sơ phương
án trợ giá sản phẩm dịch vụ
thủy lợi

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính nhận được Công văn số 4777/BNN-TCTL ngày 08/7/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2019.

Sau khi rà soát hồ sơ phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2019 của các đơn vị khai thác công trình thủy lợi theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 4777/BNN-TCTL ngày 08/7/2019, Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2019:

Hiện nay hồ sơ phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2019 của các đơn vị khai thác công trình thủy lợi theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 4777/BNN-TCTL ngày 08/7/2019 còn thiếu hồ sơ của 02 đơn vị và một số đơn vị thiếu hóa đơn, chứng từ, văn bản giải trình, chứng minh các khoản mục chi phí (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Để có cơ sở trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi năm 2019 theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính đề nghị Quý đơn vị nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ (có sao y bản chính) trước ngày 06/8/2019.

Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ đã được hoàn thiện, Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính sẽ tiếp tục rà soát phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2019 của các đơn vị khai thác công trình thủy lợi theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 4777/BNN-TCTL ngày 08/7/2019 theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về khung giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác của tỉnh Sơn La, Gia Lai:

a) Về khung giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác của ~~tỉnh Sơn La~~

- Theo hồ sơ phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác của UBND tỉnh Sơn La thì một số sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác có tên không giống với đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 4777/BNN-TCTL ngày 08/7/2019, cụ thể như sau:

Stt	UBND tỉnh Sơn La đề nghị Tên sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác	Bộ NN & PTNT đề nghị Tên sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác
1	Cấp nước dùng cho sản xuất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp (cấp bằng trọng lực)	Cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp
2	Thuê nuôi trồng thủy sản tại công trình hồ chứa thủy lợi (kể cả nuôi cá bè trên hồ)	Nuôi trồng thủy sản trong các hồ chứa nước
3	Sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện	Kết hợp phát điện
4	Sử dụng công trình thủy lợi để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng giải trí (kể cả kinh doanh sân golf, casino, nhà hàng)	Kinh doanh du lịch và các hoạt động vui chơi giải trí khác

Do đó, đề nghị Tổng cục Thủy lợi rà soát lại hồ sơ phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác của UBND tỉnh Sơn La, xác định rõ tên sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác và có ý kiến gửi Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính trước ngày 03/8/2019.

b) Về khung giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác của tỉnh Gia Lai:


- Theo hồ sơ phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác của UBND tỉnh Gia Lai thì phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác được xây dựng cho năm 2018 với 01 mức giá. Tuy nhiên theo Công văn số 4777/BNN-TCTL ngày 08/7/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì đề nghị quy định khung giá cho năm 2019.

Do đó, đề nghị Tổng cục Thủy lợi rà soát và có văn bản yêu cầu UBND tỉnh Gia Lai xây dựng khung giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của Quý Tổng cục./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NLTS.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Đinh Thị Nương

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA CÓ HỒ SƠ KÈM THEO CÔNG VĂN
SỐ 4777/BNN-TCTL NGÀY 08/7/2019
(Kèm theo Công văn số 143/QLG-NLTS ngày 01/8/2019)

1. Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 3.
2. ~~UBND tỉnh Ninh Thuận.~~

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CẦN GIẢI TRÌNH, BỔ SUNG HỒ SƠ

(Kèm theo Công văn số 143/QLG-NLTS ngày 01/8/2019)

I. CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC HƯNG HẢI

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2018,
- Định mức phân bổ số lượng bảo hộ lao động cho mỗi người hàng năm, hóa đơn hoặc báo giá mua bảo hộ lao động thời điểm gần thời điểm lập hồ sơ nhất
- Quyết định phê duyệt về hệ số lương, thang bảng lương năm 2019;
- Thông báo số 3287/BNN-QLDN về tiền lương thực hiện năm 2018.
- Quy định về mức khoán văn phòng phẩm;
- Các văn bản, chứng từ liên quan đến đơn giá chi phí bảo dưỡng đang áp dụng trong hồ sơ;
- Biên bản nghiệm thu số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2018, giải trình phần thu khác trong biên bản thẩm tra quyết toán năm 2018 là phần thu từ hoạt động gì
- Giải trình rõ hơn về cơ sở áp dụng tỷ lệ phân bổ đang là 10,4%.

II. BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI 5

1. Chi phí tiền lương:

- Giải trình mức lương tăng thêm tại bảng lương;
- Chi phí làm thêm giờ: Bổ sung giải trình cụ thể: dự kiến mỗi người làm thêm mấy ngày, số giờ làm thêm trong một ngày là bao nhiêu, danh sách dự kiến làm thêm giờ.

2. Chi phí nguyên, nhiên vật liệu để vận hành, bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị:

- Căn cứ xác định mức các khoản mục chi phí;
- Quyết định đơn giá của địa phương.

3. Chi phí tiền điện bơm nước, điện sinh hoạt:

- Bổ sung Quyết định 579/QĐ-BAN5-TĐ ngày 31/12/2018 quy định định mức;
- Hóa đơn tiền điện.

4. Chi công tác bảo hộ, an toàn lao động:

- Bổ sung Quyết định 410/QĐ-BAN5-TĐ ngày 26/6/2019 quy định định mức;

- Hóa đơn, chứng từ các khoản mục chi phí kèm theo.

5. Chi phí bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi:

- Căn cứ xác định mức các khoản mục chi phí;
- Hóa đơn hoặc 03 báo giá thời điểm gần nhất.

6. Chi phí kiểm tra:

Bổ sung hóa đơn, chứng từ kèm theo.

7. Chi phí quan trắc:

Bổ sung hóa đơn, chứng từ kèm theo.

8. Chi phí kiểm định chất lượng:

- Bổ sung Quyết định 410/QĐ-BAN5-TĐ ngày 26/6/2019 quy định định mức;

- Hóa đơn, chứng từ kèm theo.

9. Chi phí bảo dưỡng thường xuyên:

Bổ sung hóa đơn, chứng từ kèm theo.

10. Chi phí sửa chữa định kỳ:

Bổ sung hóa đơn, chứng từ kèm theo.

11. Chi phí khấu hao tài sản cố định:

Số năm khấu hao của các tài sản cố định là bao nhiêu năm?

12. Chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ:

Bổ sung hóa đơn đơn giá hoặc 03 báo giá thời điểm gần nhất.

13. Chi phí đồ dùng văn phòng:

Bổ sung hóa đơn đơn giá hoặc 03 báo giá thời điểm gần nhất.

14. Chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới liên quan đến hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi:

Hợp đồng ký trong năm 2014, thực hiện trong 1,5 tháng?

15. Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp:

Bổ sung hóa đơn đơn giá hoặc 03 báo giá thời điểm gần nhất.

16. Chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ:

- Bổ sung Quyết định 109a/QĐ-BAN5-TĐ ngày 6/3/2019.

- Dự toán số người, số ngày đi công tác.

17. Chi phí kiểm toán:

Bổ sung 01 báo giá của 01 đơn vị kiểm toán.

18. Các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật:

Bổ sung chứng từ kèm theo.

19. Chi phí lập quy trình vận hành:

Bổ sung căn cứ từng khoản mục chi phí đề nghị.

20. Chi phí vớt rác tại bể hút trạm bơm, giải tỏa bèo rác, vật cản:

Bổ sung hóa đơn, chứng từ kèm theo.

III. CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC NAM HÀ

- Giải trình căn cứ tính số lượt vận hành công của các trạm bơm (Cổ Đàm, Vĩnh Trị, Hữu Bị) (689 lượt); số lượt vận tải cho thuyền qua âu, cống (172 lượt/năm).

- Giải trình số lượt mở cống âu thuyền trong năm 2018 của Trạm bơm Hữu Bị (195 lần); số lượt phục vụ vận tải (49 lần).

1. Chi phí tiền lương, tiền công:

- Căn cứ xây dựng định mức 02 công nhân vận hành đóng, mở cống âu thuyền.

- Căn cứ xây dựng thời gian trung bình đóng, mở cống âu thuyền (1,25h).

- Căn cứ xác định hệ số lương công nhân vận hành bình quân (1,46).

- Công ty thuộc đối tượng hưởng mức lương tối thiểu vùng mấy?

2. Chi phí bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị:

- Bổ sung căn cứ xác định định mức các khoản mục chi phí đề nghị.

- Hóa đơn thời điểm gần nhất hoặc 03 báo giá thời điểm gần nhất của các khoản mục chi phí đề nghị.

3. Chi phí tiền điện năng phục vụ đóng, mở âu thượng, âu hạ, cống lấy nước:

- Bổ sung căn cứ xác định định mức các khoản mục chi phí đề nghị.

- Hóa đơn tiền điện.

4. Chi công tác bảo hộ, an toàn lao động:

- Bổ sung căn cứ xác định định mức các khoản mục chi phí đề nghị.

- Hóa đơn thời điểm gần nhất hoặc 03 báo giá thời điểm gần nhất của các khoản mục chi phí đề nghị.

5. Chi phí quản lý:

Bổ sung hóa đơn chứng từ.

IV. UBND TỈNH THANH HÓA

1. Chi phí tiền lương, tiền công ăn giữa ca, các khoản trích nộp theo lương...:

- Căn cứ xác định định mức số lao động để thực hiện nhiệm vụ (Âu Báo văn: 6 người; Âu Mỹ Quan Trang: 3 người).

- Hệ số lương của mỗi người là bao nhiêu.

- Lương của cán bộ tính theo Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước; không tính theo lương tối thiểu vùng.

- Tiền làm việc vào ban đêm và tiền làm thêm giờ: Bổ sung bảng dự toán chấm công làm ban đêm, làm thêm giờ, giấy đề nghị làm ban đêm, làm thêm giờ.

2. Chi phí nguyên, nhiên vật liệu để vận hành, bảo dưỡng công trình máy móc thiết bị:

- Căn cứ xác định định mức.
- Hóa đơn mua hàng hoặc 3 báo giá gần nhất.

3. Chi phí công tác bảo hộ an toàn lao động:

Bổ sung hóa đơn mua đồ bảo hộ hoặc 3 báo giá gần nhất.

4. Chi phí sửa chữa thường xuyên:

- Kế hoạch sửa chữa?
- Xây dựng dự toán, lấy báo giá gần nhất của 03 đơn vị.

5. Chi phí khấu hao tài sản cố định:

- Tài sản cố định có hình thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp không, gồm những tài sản loại gì, tất cả các tài sản đề có số năm khấu hao là 15 năm?

- Liệt kê đầy đủ danh mục tài sản đề nghị trích khấu hao.

6. Chi phí quản lý:

- Căn cứ xác định các khoản mục chi phí: chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý; chi phí văn phòng phẩm; chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe.

7. Chi phí vớt rác tại bể hút trạm bơm, giải tỏa bãi rác, vật cản:

Căn cứ xác định chi phí? (hồ sơ không có chứng từ kèm theo).

8. Chi phí phòng chống lụt bão, đào tạo, đảm bảo an toàn công trình:

- Chuyển thành khoản mục chi phí: chi bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi.

- Căn cứ xác định định mức (số lượng) các khoản mục chi phí.
- Bổ sung hóa đơn hoặc 3 báo giá gần nhất.
- Bổ sung các Quyết định: giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh và Quyết định xếp hạng doanh nghiệp năm 2018.
- Bổ sung số quyết toán số liệu thực tế năm 2016, 2017, 2018.

V. UBND TỈNH GIA LAI, HƯNG YÊN

- Bổ sung các hóa đơn chứng từ giải trình từng khoản mục chi phí đề nghị tại phương án giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi, danh sách các tài sản cố định tính khấu hao thuộc quyền sở hữu của đơn vị.

VI. UBND TỈNH SƠN LA

-Bổ sung các hóa đơn chứng từ giải trình từng khoản mục chi phí đề nghị tại phương án giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi./.

